

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2021**

Thực hiện Công văn số 167/UBND-VXNV ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về Về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Sở Tư pháp báo cáo kết quả cải cách hành chính Quý I năm 2021 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Về Kế hoạch cải cách hành chính:**

Thực hiện Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021. Ngày 11/11/2020, Sở Tư pháp ban hành Quyết định số 68/QĐ-STP về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021. Trong đó, Kế hoạch xác định 21 nhiệm vụ trọng tâm trên 07 nội dung cải cách hành chính phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở. Ngoài ra, Sở ban hành các Kế hoạch liên quan đến công tác cải cách hành chính như: Kế hoạch số 2362/KH-STP ngày 25/12/2020 về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch số 2497/KH-STP ngày 30/12/2020 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

##### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:**

a) Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách công tác cải cách hành chính; phân công trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm tham mưu thực hiện công tác cải cách hành chính của phòng, đơn vị được giao.

b) Chỉ đạo các phòng, đơn vị có liên quan tham gia vào quá trình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính một cách toàn diện, sát với thực tế; duy trì các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Sở hàng tuần, giao ban lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở hàng tháng. Qua đó đánh giá kịp thời tình hình thực hiện Kế hoạch công tác của các phòng, đơn vị và triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

c) Đề kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính, đồng thời thực hiện đạt hiệu quả cải cách hành chính năm 2021; tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong giải quyết công việc thông qua việc ứng dụng các phần mềm quản lý, văn bản điện tử; Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 2516/KH-STP ngày 31/12/2020 về phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2021.

Bên cạnh đó, ban hành Kế hoạch 346/KH-STP ngày 25/02/2021 về Khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong năm 2021.

### **3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính:**

Xác định tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã đưa nội dung kiểm tra là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2021, nhằm đánh giá kết quả triển khai công tác cải cách hành chính tại các phòng, đơn vị trực thuộc. Ban hành Quyết định số 04/QĐ-STP ngày 22/01/2021 về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021.

### **4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính:**

Ban hành Kế hoạch số 2515/KH-STP ngày 31/12/2020 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2021 được lồng ghép trong Chương trình phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Ninh Thuận.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế:**

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quyết định bổ sung Danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh năm 2021 (lần 2) (trong đó: bổ sung 03 Nghị quyết quy phạm pháp luật; 10 quyết định quy phạm pháp luật); Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 về điều chỉnh, bổ sung Danh mục xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021 thuộc lĩnh vực tư pháp, xây dựng, giao thông vận tải, văn hóa, thể thao và du lịch (đưa ra khỏi danh mục 03; điều chỉnh 02; bổ sung 11); Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 03/2/2021 về đính chính văn bản quy phạm pháp luật (đính chính 07 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh); Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 về công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực năm 2020 (gồm 139 văn bản, trong đó: 104 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và 35 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh); Công văn triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2021 của Chính phủ phê duyệt kết quả pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật đối với các chủ đề: Bảo hiểm; Giao thông, vận tải; Thi đua, khen thưởng, các danh hiệu vinh dự nhà nước; Thông tin, báo chí, xuất bản và 27 đề trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định; Quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục xây dựng quyết định của UBND tỉnh năm 2021 thuộc lĩnh vực tư pháp, xây dựng, giao thông vận tải, văn hóa thể thao và du lịch. Ban hành Quyết định về thành lập Tổ soạn thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác đề nghị xây dựng; soạn thảo, góp ý, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về công nhận cán bộ làm công tác pháp chế của các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh. Phối hợp với Sở Công Thương tham mưu xây dựng báo cáo về “Việc ban hành và thực hiện chính sách, pháp luật về điện lực” theo nội dung Nghị quyết số 1682/NQUBKHCNMT14 ngày 20/3/2020 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ban hành văn bản lấy ý kiến góp ý dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện “Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn 2021-2022 trên địa bàn tỉnh.

- Tổng số văn bản góp ý, thẩm định từ ngày 10/12/2020 đến ngày 05/3/2021: có 99 văn bản, gồm 18 thẩm định, 81 góp ý; cập nhật cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật: 06 văn bản. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 03/3/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 06 Quyết định quy phạm pháp luật.

b) Công tác kiểm tra, văn bản QPPL:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4679/KH-UBND ngày 28/12/2020 về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2021; Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 14/02/2021 về kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, gồm gồm 63 Quyết định quy phạm pháp luật. Kết quả<sup>1</sup>; Công văn số 331/UBND-TCĐNC ngày 21/01/2021 về kết quả tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục triệt để các sai sót trong công tác tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian tới.

b) Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4494/KH-UBND ngày 15/12/2020 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2021; Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 03/02/2021 về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2020, kết quả rà soát<sup>2</sup>.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông:**

Phối hợp Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh, nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan về Tư pháp theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 của Chủ tịch UBND. Trong Quý I năm 2021, Sở Tư pháp thụ lý và giải quyết 5.179 (trong đó: trước hẹn 422, đúng hẹn 4,757), số hồ sơ đang giải quyết (trong thời hạn) 139. Từ đầu năm 2021 đến nay không có phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính.

## **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:**

Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại tổ chức bộ máy cơ quan theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; tổ chức triển khai Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 22/12/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tiếp tục đẩy mạnh quản lý, sử dụng và thực hiện tinh

<sup>1</sup> Về thẩm quyền: 63 Quyết định do UBND tỉnh ban hành đúng thẩm quyền; về nội dung: 61/63 Quyết định có nội dung phù hợp với quy định pháp luật hiện hành của cơ quan Nhà nước cấp trên; 02/63 Quyết định có nội dung chưa phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật cấp trên; về căn cứ pháp lý, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản có 17/63 Quyết định do UBND tỉnh ban hành có sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày

<sup>2</sup> Cấp tỉnh: UBND tỉnh đã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân tỉnh với tổng số 225 Văn bản. Trong đó: Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành toàn bộ: Tổng số văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2020 là 139 Văn bản; Văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành một phần: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong năm 2020 hết hiệu lực thi hành một phần là 10 Văn bản. Văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành: Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh còn hiệu lực thi hành là 82 Văn bản. Văn bản QPPL cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 13 Quyết định. Cấp huyện: Văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành là 20 Văn bản; trong đó: Văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành là 10 Văn bản; Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành toàn bộ là 10 Quyết định. Cấp xã: Văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát với tổng số văn bản là 04 Văn bản. Trong đó: còn hiệu lực thi hành là 02 Văn bản; hết hiệu lực thi hành toàn bộ là 02 Văn bản.

giản biên chế thông qua kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức:**

a) Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 của UBND tỉnh. Sở Tư pháp ban hành Quyết định số 09/QĐ-STP ngày 23/02/2021 về phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2021. Việc bố trí công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo kế hoạch, lộ trình và đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan, phù hợp với công tác quy hoạch của Sở.

b) Việc đánh giá, xếp loại được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh gắn với việc đánh giá, xếp loại, bình xét thi đua hằng tháng, quý, năm đối với từng công chức, viên chức theo quy định tại và trên hệ thống phần mềm đánh giá công chức, viên chức.

c) Vào lúc 13 giờ 30, ngày 02/02/2021 của Tổ Kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tỉnh về kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính tại Sở Tư pháp. Qua kiểm tra, tại cơ quan không có công chức uống rượu, bia trong giờ làm việc; thực hiện nghiêm việc đeo thẻ công chức. *Tuy nhiên, có 05/26 công chức đi làm việc trễ so với thời gian quy định, chiếm tỷ 19%.* Kết quả kết quả xử lý cá nhân vi phạm giờ giấc làm việc, Sở Tư pháp báo cáo gửi Tổ Kiểm tra Kỷ luật kỷ cương hành chính tỉnh tại Công văn số 245/STP-TTr ngày 05/02/2021.

#### **5. Cải cách tài chính công:**

Ban hành Quyết định số 88/QĐ-STP ngày 24/12/2020 về công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Sở Tư pháp. Sở Tư pháp ban hành các Quyết định Quy định mức chi và công quyết toán<sup>3</sup>. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường tính minh bạch và quyền giám sát của mỗi công chức, viên chức; theo dõi, quản lý chặt chẽ việc sử dụng và tiết kiệm tối đa kinh phí được cấp hằng năm và tài sản của cơ quan.

#### **6. Hiện đại hoá nền hành chính:**

Để triển khai thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, ban hành Kế hoạch số 105/KH-STP ngày 15/01/2021 về Xây dựng, áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Tư pháp năm 2021; Kế hoạch số 2221/KH-STP ngày 24/11/2020 về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và năm 2021.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Trong Quý I năm 2021, Sở Tư pháp đã hoàn thành cơ bản công việc nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra; kịp thời tuyên truyền đến toàn thể công chức, viên chức các văn bản về cải cách thủ tục hành chính; thực hiện tốt công tác cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; giải quyết kịp thời các thủ tục hành

---

<sup>3</sup> Quyết định số 118/QĐ-STP ngày 31/12/2019 ban hành Quy chế định mức chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản; Quyết định số 39/QĐ-STP ngày 27/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế định mức chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản Sở Tư pháp.

chính cho tổ chức và cá nhân; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Trang thông tin điện tử của Sở.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2021**

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền phổ biến kịp thời đến công chức, viên chức các văn bản của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến cải cách hành chính và thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020; tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 - 2030.

2. Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện xây dựng và hoàn thiện thể chế; triển khai chuẩn bị nội dung các Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2021; thực hiện tốt công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2021, nhất là khâu xây dựng chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

3. Tiếp tục tổ chức triển khai Quy chế phối hợp hành động thực hiện chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự” giữa Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh trong việc thực hiện chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự”.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2021, Sở Tư pháp gửi Sở Nội vụ tổng hợp./.

*(Kèm theo Phụ lục kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính Quý I năm 2021 của Sở Tư pháp)*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo STP;
- Lưu: VT, TTr.NVT

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Quyện**

**UBND TỈNH NINH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SỞ TƯ PHÁP** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**  
*(Kèm theo Báo cáo số \_\_\_\_\_/BC-STP ngày \_\_\_\_\_/3/2021 của Sở Tư pháp)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	21	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	08	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	02	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		0	Đề nghị chính hoặc bổ sung “UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao”
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		0	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Phối hợp
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		Nhiệm vụ này, Sở tham mưu UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch và Quyết định được thể hiện tại khoản 1 Mục II Báo cáo này
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Thống kê TTHC		141	
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	141	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	141	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục		
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	113	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	113	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC		5.179	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	0	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	0	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công		113	
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	113	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	113	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục		Đang rà soát
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	Cơ quan, đơn vị	03	
	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	Cơ quan, đơn vị		
	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	0	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức		28	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	28	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	26	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	01	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	20	Có 03 biên chế giao cho VP. UBND tỉnh
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		28	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	28	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	23	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	6	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17,6	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	3	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	1	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	nhiệm mới			
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		Đang phối hợp VNPT thực hiện
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Kết nối với Bộ Tư pháp
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp		100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý I)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	396	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	08	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	0	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	1,9	Số liệu tính từ Trung tâm PVHCC
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	

